**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN TỦA CHÙA**
**TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Bản án số: 05/2022/HS-ST
Ngày 04-01-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỦA CHÙA - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa* : ông Trương Anh Tuấn
*Các Hội thẩm nhân dân* : ông Giàng A Gông và bà Vì Thị Hồng
- *Thư ký phiên tòa*: bà Lò Thị Thu- Thư ký TAND huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:* ông Nguyễn Mạnh Hùng– Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2021/HS-ST ngày 22/11/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HS ngày 21/12/2021 đối với bị cáo: **Lò Văn Đ**- Tên gọi khác: không; Sinh ngày 15/02/2002 tại huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Bản M2, xã P, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không, quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lò Văn N– Sinh năm 1975 và bà Lường Thị H– Sinh năm 1974; Bị cáo chưa có vợ, con. Nhân thân: Bị cáo nghiện chất ma túy từ năm 2019; Tiền sự: không; Tiền án: không; Tạm giữ: không, tạm giam: từ ngày 08/10/2021 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Chàng Văn S- sinh năm 1964; trú tại thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*
+ Nguyễn Văn B- sinh năm 1967; Trú tại: Bản S, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03 tháng 10 năm 2021, Bị cáo Lò Văn Đ đi từ xã P, huyện M, tỉnh Điện Biên sang nhà bố đẻ tên là Lò Văn N tại thôn N, xã B, huyện T, đến khoảng 02 giờ 00 phút ngày 04/10/2021 Bị cáo đi bộ trong thôn với mục đích tìm tài sản để trộm cắp, khi Bị cáo đến khu vực nhà ông Chàng Văn S thì phát hiện cạnh hiên nhà ông S có 01 chiếc xe máy SIRIUS, màu trắng- đen, Bị cáo quan sát thấy không có ai,

cổng không khóa nên đã nẩy sinh việc trộm chiếc xe, Bị cáo đi vào trong dắt xe ra ngoài đường. Khi ra đến ngoài, Bị cáo thấy trên ổ khóa xe không có chìa khóa nên đã dùng tay kéo đứt dây điện chỗ cổ xe ra rồi nối vào dây điện khác ở đó, sau đó Bị cáo đạp cho xe nổ máy rồi điều khiển xe đi thẳng về nhà anh Lò Văn T tại bản P, xã P, huyện M, tỉnh Điện Biên (anh T đã chết ngày 06/10/2021). Đến nơi khoảng 03 giờ 00 phút, Bị cáo dựng xe dưới gầm nhà sàn, lấy tua vít có sẵn trong cốp xe tháo và bẻ gãy một số bộ phận của chiếc xe, sau đó mang đi cất trên nhà. Đến khoảng 08 giờ 00 sáng ngày 04/10/2021 Bị cáo mang xe ra quán sửa xe máy của anh Nguyễn Ngọc S tại bản P, xã P, huyện M, mượn cờ lê tháo ống xả (ống Pô) của xe và bán cho 01 ô tô thu mua sắt vụn với giá 40.000đ (bốn mươi nghìn đồng). Đến khoảng 19 giờ 00 phút ngày cùng ngày Bị cáo đã bán chiếc xe mô tô với giá 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) cho xe ô tô thu mua sắt vụn của anh Nguyễn Văn B, số tiền bán được Bị cáo chi tiêu cá nhân hết.

Vật chứng cơ quan điều tra đã thu giữ gồm:

+ 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRUS, màu sơn trắng - đen đã bị tháo và bẻ gãy một số bộ phận;

+ 01 ốp pha đèn + pha đèn; 01 chắn bùn trước phần A; 01 mặt nạ; 02 cánh yếm; 02 ốp sườn; 01 củ đèn hậu; 01 chắn bùn sau đã bị gãy, 01 biển số xe mô tô;

Đối với các vật chứng khác gồm 01 tua vít, 01 ống xả xe mô tô, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Kết luận định giá tài sản số 63/KL-ĐGTS ngày 08/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T đã kết luận: giá thị trường tại thời điểm tháng 10/2021 của 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRUS, màu sơn trắng - đen, biển kiểm soát 27B1-597.35 là 2.300.000đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Bị hại Chàng Văn S có lời khai phù hợp với lời khai của Bị cáo về thời gian, địa điểm bị mất tài sản và đặc điểm tài sản bị chiếm đoạt, Bị hại đã nhận lại tài sản, nhưng do các bộ phận trên xe Bị cáo tháo và bẻ gãy đã hư hỏng không thể sử dụng được nên đã phải thay thế và yêu cầu Bị cáo phải bồi thường tiền sửa chữa, thay thế các phụ tùng chiếc xe là 5.050.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn B có lời khai phù hợp với lời khai của Bị cáo về việc mua 01 chiếc xe mô tô với giá 800.000 đồng, anh Biên không biết chiếc xe là do Bị cáo phạm tội mà có và không yêu cầu Bị cáo phải trả lại số tiền đã mua xe.

Cáo trạng số 40/CT-VKSHTC ngày 22/11/2021 của VKSND huyện T đã truy tố bị cáo Lò Văn Đ về tội trộm cắp tài sản, tại phiên tòa đại diện VKSND huyện T đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i,s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, về bồi thường thiệt hại đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các bên về việc Bị cáo đồng ý bồi thường 5.050.000đ cho Bị hại; Về vật chứng đề nghị công nhận quyết định xử lý vật chứng của cơ quan điều tra về

việc trả lại chiếc xe mô tô và các bộ phận của xe cho Bị hại; đề nghị miễn án phí hình sự và án phí dân sự cho bị cáo.

Tại phiên tòa Bị cáo, bị hại giữ nguyên ý kiến như lời khai tại cơ quan điều tra; Bị cáo nhất trí bồi thường số tiền 5.050.000 đồng cho bị hại và không có ý kiến tranh luận gì sau khi nghe luận tội của Viện kiểm sát.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn B xét sự vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 của BLTTHS.

[2] Qua lời khai của Bị cáo, Bị hại và các chứng cứ được làm rõ tại phiên tòa đã xác định được:

Bị cáo Lò Văn Đ vì muốn có tiền để sử dụng cho mục đích cá nhân, nên khoảng 02 giờ 00 phút ngày 04/10/2021, lợi dụng gia đình Bị hại Chàng Văn S đang ngủ, bị cáo đã lén lút lấy 01 chiếc xe mô tô Bị hại đang để cạnh hiên nhà, sau khi lấy được Bị cáo đã tháo và phá hỏng một số bộ phận của chiếc xe với mục đích để bán xe cho người thu mua sắt vụn và Bị cáo đã bán được tổng số tiền 840.000 đồng, số tiền bán được Bị cáo đã chi tiêu hết.

Lời khai của Bị cáo phù hợp với lời khai của Bị hại xác nhận khoảng thời gian, địa điểm mất tài sản, đặc điểm của tài sản bị chiếm đoạt và tài sản cơ quan Điều tra đã thu lại được, phù hợp với các vật chứng cơ quan điều tra đã thu giữ, kết quả khám nghiệm hiện trường, biên bản nhận dạng Bị cáo, Kết luận định giá tài sản, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã mua chiếc xe mô tô của Bị cáo, lời khai của những người làm chứng Nguyễn Ngọc S chứng kiến việc bị cáo tháo ống xả của chiếc xe, người làm chứng Phạm Thị H chứng kiến Bị cáo bán chiếc xe mô tô cho 01 ô tô thu mua sắt vụn.

Như vậy có đủ cơ sở để xác định bị cáo đã lợi dụng lúc chủ sở hữu sơ hở trong việc quản lý tài sản, đã lén lút lấy 01 chiếc xe mô tô với mục đích bán lấy tiền sử dụng cho mục đích cá nhân, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt theo kết luận định giá là 2.300.000 đồng, do đó hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, VKSND huyện T truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng, bị cáo thực hiện hành vi một mình, không có đồng phạm, động cơ mục đích phạm tội giản đơn. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, trong quá trình Điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên cần xem xét áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ theo điểm i,s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 của BLHS.

Xét tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu đang ngày càng có chiều hướng gia tăng, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện; Mặt khác, bị cáo là người nghiện chất ma túy, không chịu lao động, do đó HĐXX thấy cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục, phòng ngừa bị cáo phạm tội mới và răn đe, cảnh tỉnh pháp luật cho những người khác.

Đối với Nguyễn Văn B là người đã mua xe mô tô của bị cáo, quá trình điều tra đã làm rõ người mua xe không biết là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Viện kiểm sát không đề nghị xem xét trách nhiệm là phù hợp.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có tài sản, điều kiện kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo.

[5] Đối với số tiền 840.000 đồng bị cáo có được do bán chiếc xe mô tô và 01 ống xả của xe, bị cáo đã sử dụng cá nhân hết, HĐXX thấy đây là khoản tiền do bị cáo bán tài sản phạm tội mà có nên cần truy thu để sung vào ngân sách nhà nước.

[6] Bồi thường dân sự:

Tại phiên tòa Bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bị hại số tiền sửa chữa xe là 5.050.000đ, nên Hội đồng xét xử cần công nhận sự thỏa thuận bồi thường của các bên, buộc Bị cáo phải bồi thường 5.050.000đ cho Bị hại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn số tiền đã mua xe, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[7] Xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc xe mô tô và các phụ tùng kèm theo Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp với quy định, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo là dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên cần miễn toàn bộ án phí cho bị cáo theo điểm đ khoản 1 điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, VKSND huyện trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

***Vì các lẽ trên !***

## QUYẾT ĐỊNH

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Lò Văn Đ phạm tội: Trộm cắp tài sản

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i,s khoản 1 Điều 51, điều 38 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lò Văn Đ 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/10/2021.

**2. Truy thu tài sản:** Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự:

Truy thu số tiền 840.000 đồng (*tám trăm bốn mươi nghìn đồng*) do bị cáo bán tài sản trộm cắp mà có để sung vào ngân sách nhà nước.

**3. Bồi thường dân sự:** Áp dụng điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc Bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho Bị hại Chàng Văn S số tiền 5.050.000 đồng (*năm triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có quyết định thi hành án dân sự mà Bị cáo không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại điều 357 của Bộ luật dân sự

**4. Án phí :** Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo.

**5. Kháng cáo:** Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình. Thời hạn kháng cáo đối với người có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận :***
- VKSND huyện, tỉnh;
- Công an huyện;
- CQTHAHS huyện, tỉnh;
- TAND tỉnh; Sở Tư Pháp;
- THADS huyện;
- Bị cáo, Bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu HSVA, HSTHA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Trương Anh Tuấn**